

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-PT

Ngày: 15-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trinh.

Các Thẩm phán Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

Bà Trương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Cần - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2021/TLPT-HS ngày 17-02-2021, đối với các bị cáo Lê Thị T, Lâm Thị M, Lê Thị P, Nguyễn Thị L, Cũng Quang N, Nguyễn Hồng L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Trúc G và Lê Thanh V, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị T; sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp Thới T, xã X, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S (chết) và bà: Ngô Thị N; có chồng: Đỗ Văn C và 2 con: Lớn sinh năm 2000 - nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Lâm Thị M; sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp Thới T, xã X, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn T (chết) và bà: Đỗ Thị N(chết); có chồng: Dương Tấn K và 2 con cùng sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Lê Thị P; sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp Trường T, xã X, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (chết) và bà: Nguyễn Thị N; có chồng: Đoàn Văn Đ và 02 con: Lớn sinh năm 1994 - nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13-12-2004, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 năm. Phạt bổ sung 5.000.000đ. Đã chấp hành xong ngày 5-9-2005.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Nguyễn Thị L; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1985. Nơi cư trú: Ấp Trường P, xã Thới T1, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N và bà: Lê Thị L; có chồng: Trần Văn N và 02 con: Lớn sinh năm 2006 - nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Cũng Quang N; sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp Thới T, xã X, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cũng Quang D và bà: Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. Nguyễn Hồng L; sinh này 11 tháng 8 năm 1978. Nơi cư trú: Ấp Đông L, xã Đông B, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hà Kim L; có chồng: Phạm Văn P và 2 con: Lớn sinh năm 2008 - nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 01-9-2016, bị Tòa án nhân dân huyện L, thành phố C xử phạt 15.000.000đ về tội Đánh bạc. Chỉ thi hành nộp 2.000.000đ và án phí, ngày 07-4-2017.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

7. Nguyễn Văn H ; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976. Nơi cư trú: Ấp Đông H, xã Đông T, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (chết) và bà: Trần Thị T(chết); tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 12-11-2019, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G xử phạt 35.000.000đ về tội Đánh bạc. Chưa thi hành.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

8. Nguyễn Thị Trúc G; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979. Nơi cư trú: Ấp Đông H, xã Đông T, huyện L, thành phố C. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (chết) và bà: Trần Thị T(chết); có chồng: Huỳnh Văn M1 và 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25-12-2014, bị Công an huyện Đ, thành phố C phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt cùng ngày.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

9. Lê Thanh V; sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu vực Thới Đ, phường Phước T, quận M, thành phố C. Nghề nghiệp: Hớt tóc; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S (chết) và bà: Phạm Thị Thu H (chết); có vợ: Lê Thị B và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Các Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố C:

Đỗ Vinh Q bào chữa cho bị cáo T.

Nguyễn Xuân M bào chữa cho bị cáo L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 23-4-2020, Công an huyện L đã kết hợp với Công an xã Thới T, bắt quả tang nhóm đánh bạc dưới hình thức bài binh 6 lá, thắng thua trực tiếp bằng tiền, tại nhà của bà Đỗ Thị D - ấp Thới T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ. Những người tham gia gồm: Lê Thị T, Lâm Thị M, Lê Thị P, Nguyễn Thị L, Cũng Quang N, Nguyễn Hồng L và một số người đã bỏ chạy như: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Trúc G, Lê Thanh V. Có một số người, có tham gia nhưng đã nghỉ chơi, như: Phạm Văn T, Nguyễn Thị Ú. Thu giữ: 01 chiếc chiếu, 8 bộ bài 52 lá, 600.000đ trên chiếu bạc và 21.934.000đ trên người của T, M, P, L, N và L. Tại hiện trường có 11 xe mô tô các loại.

Theo kết quả điều tra đã xác định được như sau:

T đã nhiều lần tổ chức đánh bài. Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 23-4-2020, khi M, P và L đến nhà, T đã rủ tất cả cùng chơi đánh bài ăn tiền. Tất cả đồng ý. T đã chuẩn bị sẵn chiếu và 8 bộ bài. T tổ chức đánh bài tại nhà của bà D (là chị dâu) nhưng đã đi nước ngoài. Những người còn lại nhìn thấy sòng bài nên cùng tham gia. Những người tham gia thay nhau làm cái 3 ván. Người nào muốn làm cái nhiều hơn thì phải được những người còn lại chấp thuận. Mỗi ván đặt từ 100.000 - 200.000đ.

Tại bản án số 02/2021/HSST ngày 08-01-2021, Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Thị T 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Lâm Thị M 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Lê Thị P 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Nguyễn Thị L 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Cũng Quang N 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Nguyễn Thị Trúc G 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Lê Thanh V 03 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt: - Nguyễn Hồng L 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Nguyễn Văn H 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Ngoài ra, còn có quyết định về xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm:

- Ngày 12-01-2021, bị cáo L nộp đơn kháng cáo;
- Ngày 13-01-2021, bị cáo T kháng cáo;
- Ngày 14-01-2021, các bị cáo H, G và L kháng cáo;
- Ngày 18-01-2021, các bị cáo V và M kháng cáo;
- Ngày 20-01-2021, các bị cáo N và P kháng cáo;

Cùng xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Không có ai cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Các luật sư, bào chữa cho các bị cáo, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo. Bị cáo T phạm tội lần đầu. Bị cáo L phải nuôi 02 con nhỏ. Bị cáo L phải trực tiếp nuôi đứa con mắc bệnh tâm thần, động kinh. Các Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên nhận định: bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo luật định cho các bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng, không có căn cứ để cho hưởng án treo, nên đề nghị giữ nguyên nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm này hiện nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ

tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Các bị cáo đã bị bắt quả tang khi đang đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền. Số tiền thu trên chiếu bạc là 600.000đ. Số tiền dùng để đánh bạc thu trên người là: T - 1.500.000đ, P - 1.860.000đ, L - 1.000.000đ, N - 4.763.000đ (BL. 3, 241, 245, 246), L - 2.811.000đ. Số tiền dùng để đánh bạc nhưng không thu được là: H - 700.000đ, G - 600.000đ, V - 200.000đ. Tổng cộng là 14.034.000đ.

Xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết của vụ án. Bị cáo T là người rủ rê đánh bạc và đã tổ chức đánh bạc trong nhiều ngày. Các bị cáo H và L phạm tội lần này là tái phạm. Bị cáo H thậm chí là chưa thi hành bản án trước. Còn bị cáo L chỉ thi hành được một phần.

Tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Một bộ phận người dân không lo tập trung lao động, kinh doanh hợp pháp để có thu nhập chính đáng, mà cứ lao vào các canh bạc, sát phạt nhau bằng tiền, không lo lao động, kinh doanh, xây dựng kinh tế gia đình và địa phương, không lo chăm sóc gia đình và giáo dục con cháu, phụng dưỡng người già. Hệ lụy là mất tiền, mất sức, mất thời gian, mất hạnh phúc gia đình. Thậm chí là phát sinh xung đột khi thua bạc, rồi phạm pháp, phạm tội. Đối với các bị cáo cần xử phạt cho nghiêm nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Mức hình phạt đã tuyên, đối với bị cáo, như vậy là tương xứng, là cần thiết, nên giữ nguyên, như kết luận của Kiểm sát viên.

Những điều kiện để chấp hành án sẽ được xem xét khi thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có bổ sung điều luật áp dụng).

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T, Lâm Thị M, Lê Thị P, Nguyễn Thị L, Cũng Quang N, Nguyễn Hồng L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Trúc G và Lê Thanh V phạm tội **Đánh bạc**.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: - Lê Thị T 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Lâm Thị M 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Lê Thị P 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Nguyễn Thị L 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.
- Cũng Quang N 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.
- Nguyễn Thị Trúc G 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.
- Lê Thanh V 03 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: - Nguyễn Hồng L 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Nguyễn Văn H 09 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ.

Thời hạn phạt tù, đối với các bị cáo, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trinh

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Trại giam CA – TPCT;
- Cơ quan tố tụng huyện L;
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ.

